

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số lượng	Phí/Lệ phí thực hiện		
				Phí	Lệ phí	Không
Tổng			7	3	2	2
I	Lĩnh vực Hoạt động Khoa học và Công nghệ		2	0	1	1
1	1.001786.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ			x	
2	1.011818.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				x
II	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		1	1	0	0
5	2.001209.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận		x		
IV	Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân		2	0	1	1
1	2.002385.000.00.00.H35	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế				x
2	2.002379.000.00.00.H35	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)			x	

V	Lĩnh vực Bưu chính		2	2	0	0
3	1.003633.000.00.00.H35	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn		x		
5	1.004470.000.00.00.H35	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính		x		

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số lượng	Phí/Lệ phí thực hiện		
				Phí	Lệ phí	Không
Tổng			3	2	0	1
I	Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân		3	2	0	1
1	2.002382.000.00.00.H35	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế				x
2	2.002380.000.00.00.H35	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.		x		
3	2.002381.000.00.00.H35	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế		x		

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP THÔNG TIN TRỰC TUYẾN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số lượng	Phí/Lệ phí thực hiện		
				Phí	Lệ phí	Không
Tổng			46	1	2	3
I	Lĩnh vực Hoạt động Khoa học và Công nghệ		28	4	2	22
1	1.006427.000.00.00.H35	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.				x
2	1.001770.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ				x
3	1.001747.000.00.00.H35	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ			x	
4	1.001693.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		x		
5	1.001677.000.00.00.H35	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ			x	
6	1.011814.000.00.00.H35	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu				x
7	1.011815.000.00.00.H35	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến				x

8	1.011816.000.00.00.H35	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực				X
9	1.011820.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước				X
10	2.002544.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)				X
11	2.002546.000.00.00.H35	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)				X
12	2.002548.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)				X
13	2.002249.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)		X		
14	2.002248.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)		X		
15	1.011812.000.00.00.H35	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu				X
16	2.001525.000.00.00.H35	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ				X
17	2.002278.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ				X
18	2.001179.000.00.00.H35	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ				X

19	1.001716.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		X		
20	3.000259.000.00.00.H35	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam				X
21	2.002144.000.00.00.H35	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.				X
22	2.000079.000.00.00.H35	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.				X
23	1.011819.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				X
24	1.002690.000.00.00.H35	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.				X
25	2.001137.000.00.00.H35	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.				X
26	2.001143.000.00.00.H35	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.				X
27	2.001643.000.00.00.H35	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.				X
28	1.012353.000.00.00.H35	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)				X

II	Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân		2	0	0	2
1	2.002383.000.00.00.H35	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế				x
2	2.002384.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế				x
III	Sở hữu trí tuệ		3	2	0	1
1	1.011939.000.00.00.H35	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp				x
2	1.011938.000.00.00.H35	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)		x		
3	1.011937.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)		x		
IV	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		8	2	0	6
1	2.000212.000.00.00.H35	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng				x
2	2.001259.000.00.00.H35	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu				x
3	2.001277.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành		x		
4	2.001207.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh		x		
5	1.001392.000.00.00.H35	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu				x
6	2.002253.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân				x

7	2.001269.000.00.00.H35	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia				X
8	1.000449.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng				X
V	Lĩnh vực Bưu chính		5	4	0	1
1	1.003659.000.00.00.H35	Cấp giấy phép bưu chính		X		
2	1.003687.000.00.00.H35	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính		X		
3	1.004379.000.00.00.H35	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được		X		
4	1.005442.000.00.00.H35	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được		X		
5	1.010902.000.00.00.H35	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính				X